

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/DS-ST

Ngày: 12-9-2024

V/v “*Tranh chấp*

*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

\* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

\* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lương Thanh Văn

2. Ông Nguyễn Đức Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Thị Minh Nguyệt- Thư ký Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa:** Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST-DS ngày 13/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2024/QĐST-DS ngày 30/7/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 81/2024/QĐST-DS ngày 21/8/2024 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Ông Hoàng Công H, sinh năm 1966 (có mặt)

*Nơi cư trú:* Thôn Đồi Mạ, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

\* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Tiến L, sinh năm 1984 (vắng mặt)

*Nơi cư trú:* Tổ dân phố Vàng, phường Bích Động, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

\* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Vũ Thị H, sinh năm 1968 (có mặt)

*Nơi cư trú:* Thôn Đồi Mạ, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Công H trình bày:

Ông và anh Nguyễn Tiến L có mối quan hệ quen biết xã hội. Ngày 15/11/2021 ông có cho anh Nguyễn Tiến L vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Hai bên có viết giấy vay tiền đề ngày 15/11/2021, giấy vay tiền viết tại

nhà ông, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2.000 đồng/triệu/ngày nhưng thực tế hai bên thỏa thuận miệng bên ngoài hợp đồng là 1,5%/tháng. Lúc viết giấy vay tiền có mặt ông, vợ ông bà H và anh L, ngoài ra không có ai khác, toàn bộ chữ viết trong giấy biên nhận vay tiền là chữ viết của anh L. Chữ viết, chữ ký trong mục người vay tiền ký tên “L, Nguyễn Tiến L” là chữ ký chữ viết của anh L, chữ “H, Hoàng Công H” trong mục người cho vay là chữ ký chữ viết của ông. Khi viết xong giấy này ông đã đưa cho anh L tiền mặt đủ số tiền 300.000.000 đồng, hai bên không viết thêm giấy tờ gì khác, hai bên thỏa thuận vay trong thời hạn 30 ngày (tức 01 tháng) anh L phải trả cho ông số tiền trên.

Anh L vay ông số tiền trên để mục đích để kinh doanh cá nhân, số tiền này không liên quan gì đến vợ anh L, ông đề nghị không đưa vợ anh L vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Số tiền ông cho anh L vay là số tiền của vợ cH ông. Sau khi đến hạn trả nợ ông, anh L có trả lãi cho ông được 03 tháng, mỗi tháng 4.500.000 đồng, đến ngày 15/02/2022 tổng số lãi 03 tháng trả được cho ông là 13.500.000 đồng nhưng tiền gốc thì anh L chưa trả được cho ông khoản tiền nào. Sau đó, cho đến nay anh L không trả được cho ông khoản tiền nào nữa dù ông đã đòi anh L rất nhiều lần nhưng anh L vẫn không trả được cho ông khoản tiền nào. Nay ông yêu cầu cá nhân anh L phải trả cho vợ cH ông số tiền gốc đã vay theo giấy vay tiền ngày 15/11/2021 và số tiền lãi tính từ ngày 15/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 10%/năm. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa ông Hoàng Công H có mặt trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đơn khởi kiện của ông theo quy định của pháp luật, ngoài ra ông không có yêu cầu đề nghị gì khác.

*\* Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H trình bày:*

Vợ cH bà và ông Nguyễn Tiến L không có mối quan hệ gì. Ngày 15/11/2021 vợ cH bà có cho anh Nguyễn Tiến L vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Hai bên có viết giấy vay tiền đề ngày 15/11/2021, giấy vay tiền viết tại nhà bà, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2.000 đồng/triệu/ngày nhưng thực tế 1,5%/tháng. Lúc viết giấy vay tiền có mặt bà, cH bà ông H và anh L, ngoài ra không có ai khác, toàn bộ chữ viết trong giấy biên nhận vay tiền là chữ viết của anh L. Chữ viết, chữ ký trong mục người vay tiền ký tên “L, Nguyễn Tiến L” là chữ ký chữ viết của anh L, chữ “H, Hoàng Công H” trong mục người cho vay là chữ ký chữ viết của cH bà, bà có mặt nhưng không ký tên ở mục người cho vay. Khi viết xong giấy này cH bà đã đưa cho anh L tiền mặt đủ số tiền 300.000.000 đồng, hai bên không viết thêm giấy tờ gì khác, hai bên thỏa thuận vay trong hạn 30 ngày (tức 01 tháng) anh L phải trả cho vợ cH bà số tiền trên.

Anh L vay vợ cH bà số tiền trên để mục đích để sử dụng cá nhân anh L, số tiền này không liên quan gì đến vợ anh L, vợ anh L không biết, bà đề nghị không đưa vợ anh L vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Số tiền vợ cH bà cho anh L vay là số tiền chung của vợ cH. Sau khi đến hạn trả nợ như thỏa thuận, anh L có trả lãi

cho cH bà được 03 tháng, mỗi tháng 4.500.000 đồng, tổng số 03 tháng trả được cho cH bà là 13.500.000 đồng tiền lãi nhưng tiền gốc thì anh L chưa trả được cho vợ cH bà được khoản tiền nào. Sau đó cho đến nay anh L không trả được cho vợ cH bà khoản tiền nào nữa cho dù cH bà đã đòi anh L rất nhiều lần nhưng anh L vẫn không trả được cho vợ cH bà khoản tiền nào. Nay bà yêu cầu cá nhân anh L phải trả cho vợ cH bà số tiền gốc đã vay theo giấy vay tiền và số tiền lãi tính từ ngày 15/02/2022 theo quy định của pháp luật như yêu cầu của cH bà ông H. Ngoài ra, bà không yêu cầu và trình bày thêm nội dung gì khác.

Tại phiên tòa bà Vũ Thị H có mặt trình bày: Bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

\* Đối với bị đơn anh Nguyễn Tiến L: Tòa án đã tiến hành giao, gửi các văn bản tố tụng cho anh L theo quy định của pháp luật nhưng tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, anh L đều vắng mặt và không có ý kiến gì về việc khởi kiện của ông Hoàng Công H và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Tiến L vắng mặt.

\* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn anh L không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công H. Buộc anh Nguyễn Tiến L phải trả cho ông Hoàng Công H, bà Vũ Thị H tổng số tiền là 369.600.795 đồng (trong đó tiền gốc là 293.949.860 đồng và tiền lãi là 75.650.935 đồng).

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: Vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Hoàng Công H và anh Nguyễn Tiến L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh L có nơi cư trú: Tổ dân phố Vàng, phường Bích Động, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

- Đối với chị Nguyễn Thị Xuyên, sinh năm 1984 ở tổ dân phố Vàng, phường Bích Động, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là vợ anh Nguyễn Tiến L tại bản tự khai của chị Xuyên, biên bản làm việc với bố mẹ anh L là ông Thành, bà Xuân có trình bày: Việc vay nợ của anh L là việc làm ăn cá nhân anh L chị Xuyên và gia đình không biết, không liên quan, chị Xuyên không được sử dụng số tiền này, số tiền anh L vay không liên quan gì đến chị Xuyên và gia đình. Nguyên đơn ông H khai số tiền cho anh L vay, lúc vay vợ anh L không có mặt, không biết, không liên quan ông yêu cầu cá nhân anh L phải trả nợ cho vợ chồng ông, ông đề nghị không đưa vợ anh L vào tham gia tố tụng trong vụ án. Nên Tòa án xác định không đưa chị Nguyễn Thị Xuyên vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

- Bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ông Hoàng Công H có đơn khởi kiện yêu cầu anh L phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 15/11/2021 và trả tiền lãi từ ngày 15/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định của pháp luật được xác định là quan hệ “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[4] Về thời hiệu: Căn cứ Giấy vay tiền đề ngày 15/11/2021 thì anh Nguyễn Tiến L vay của ông H, bà H số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng. Tính đến ngày 15/02/2022 anh L đã trả được cho ông H số tiền lãi là 13.500.000 đồng, sau đó anh L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 13/5/2024 ông H nộp đơn khởi kiện yêu cầu anh L trả số tiền đã vay. Vụ án không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu. Căn cứ khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Công H, Hội đồng xét xử thấy:

\* Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền phải trả:

Căn cứ vào chứng cứ là giấy vay tiền đề ngày 15/11/2021 có chữ viết và chữ ký của anh Nguyễn Tiến L mục bên vay là phù hợp với lời khai của nguyên đơn ông H người cho vay, số tiền gốc là 300.000.000 đồng. Sau khi vay xong tính đến ngày 15/02/2022 thì anh L đã trả cho ông H được tổng số tiền 13.500.000 đồng tiền lãi. Ông H xác định số tiền cho anh L vay là tiền của vợ chồng ông, số tiền anh L vay là số tiền cá nhân anh L, vợ anh L không biết không liên quan, ông yêu cầu cá nhân anh L phải phải vợ chồng ông số tiền đã vay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không lấy được lời khai về quá trình vay trả nợ của bị đơn anh L. Tại biên bản làm việc với bố mẹ anh L là bà Xuân, ông Thành xác định các văn bản tố tụng của Tòa án gửi giao ông bà đều thông báo cho anh L, anh L đều đã biết nhưng do anh L đi làm ăn để trả nợ nên không lên Tòa án làm việc cũng như trình bày ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông H, không cung cấp được các tài liệu liên quan đến việc thể hiện

không vay số tiền trên và đã trả đủ số tiền đã vay cho ông H, vợ anh L là chị Xuyên trình bày chị làm công ty bận, việc làm ăn cá nhân của anh L không liên quan gì đến chị, chị không được sử dụng số tiền này, số tiền anh L vay không liên quan gì đến chị. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H buộc anh L phải trả cho vợ chồng ông H số tiền gốc đã vay theo giấy vay tiền ngày 15/11/2021.

\* Về lãi suất ông H yêu cầu anh L trả lãi suất theo quy định của pháp luật 10%/năm từ ngày 15/02/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2024 thì thấy:

Tại giấy vay tiền ngày 15/11/2021 ghi lãi suất là 2.000 đồng/triệu/ngày, thời hạn vay là 30 ngày. Nhưng nguyên đơn ông H trình bày trên thực tế hai bên thoả thuận miệng bên ngoài hợp đồng là 1,5%/tháng. Như vậy, lời khai của nguyên đơn về mức lãi suất không đúng so với hợp đồng, thể hiện lãi suất không rõ ràng, cần xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, lãi suất không rõ ràng, có tranh chấp về lãi suất cần phải tính lãi suất trong thời hạn và lãi suất chậm trả của hợp đồng này có mức là 10%/năm theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nguyên đơn xác định anh L trả được 03 tháng tiền tiền lãi, mỗi tháng là 4.500.000 đồng tiền lãi nên tính lại lãi suất và gốc anh L phải trả như sau:

Tiền lãi tại thời điểm trả nợ ngày 15/12/2021 là 4.500.000 đồng - 2.500.000 đồng.

Tiền gốc thời điểm trả nợ ngày 15/12/2021: 300.000.000 đồng - (4.500.000 đồng - 2.500.000 đồng) là tiền lãi còn thừa trừ vào tiền gốc = 298.000.000 đồng.

Tiền lãi tại thời điểm trả nợ ngày 15/01/2022 là 298.000.000 đồng x 10% năm: 12 = 2.483.333 đồng.

Tiền gốc tại thời điểm trả nợ ngày 15/01/2022: 298.000.000 đồng - (4.500.000 đồng - 2.483.333 đồng) = 295.983.333 đồng.

Tiền lãi tại thời điểm trả nợ ngày 15/02/2022: 295.983.333 đồng x 10%/năm: 12 = 2.466.527 đồng.

Tiền gốc tại thời điểm trả nợ ngày 15/02/2022: 295.983.333 đồng - (4.500.000 đồng - 2.466.527 đồng) = 293.949.860 đồng.

Như vậy tính đến ngày 15/02/2022, anh L còn nợ số tiền gốc là 293.949.860 đồng.

Thời điểm từ ngày 15/02/2022 đến ngày 12/9/2024 tiền lãi là 02 năm 06 tháng 28 ngày. Cụ thể tiền lãi được tính như sau: 02 năm x 293.949.860 đồng x 10% + 06 tháng x 293.949.860 đồng x 0,83% + 28 ngày x 293.949.860 đồng x 0,027% = 58.789.972 đồng + 14.638.702 đồng + 2.222.260 đồng = 75.650.934 đồng. Tổng số tiền lãi mà anh L phải trả cho ông H, bà H là: 75.650.934 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà anh L phải trả cho ông H, bà H cả gốc và lãi là 369.600.790 đồng. Trong đó tiền gốc là 293.949.860 đồng và tiền lãi là 75.650.934 đồng.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Tại phiên tòa do anh L vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận nên anh L phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể tiền án phí dân sự sơ thẩm của là: 369.600.790 đồng x 5% = 18.480.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công H. Buộc anh Nguyễn Tiến L phải có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Công H, bà Vũ Thị H tổng số tiền là 369.600.790 đồng (trong đó tiền gốc là 293.949.860 đồng và tiền lãi là 75.650.934 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Án phí:

- Anh Nguyễn Tiến L phải chịu 18.480.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả ông Hoàng Công H số tiền 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003447 ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên.

[3] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân**





